

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNH Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 818/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Mỹ Y, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố C.

- Bị đơn: Anh Trần Thành Nhân Chi M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ F, ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đì.

(Chị Y, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, quá trình tham gia tố tụng và đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ Y trình bày:*

Chị và anh M chung sống năm 2012 và sau đó có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L theo giấy chứng nhận số 190/2014 ngày 24/11/2014, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn xảy ra từ năm 2012 do anh M sống thờ ơ không quan tâm đến chị và gia đình, sống cùng gia đình chồng nhưng không được quan tâm chia sẻ, không có tiếng nói chung, chung sống cùng

nhà với nhau nhưng việc ai nấy làm, chị có nói với anh nhưng anh vẫn vô tâm. Khi chung sống ở Bình Thuận từ năm 2012 đến năm 2014 thì chuyển về ấp E xã A sinh sống khoảng vài năm, sau đó đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại, chị và anh cũng không có hướng hàn gắn xây dựng gia đình với nhau. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống với nhau tình cảm không còn như lúc đầu và qua thời gian sống ly thân, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh M. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không nói chuyện hay bàn bạc đoàn tụ với nhau do chị không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Nếu Tòa án không giải quyết cho chị ly hôn thì chị cũng không quay về chung sống với anh M.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 23/4/2013.

Ly hôn, chị yêu cầu được giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng anh M không yêu cầu nên chị sẽ tự cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Khi chị đến thăm nom con thì chị sẽ thỏa thuận thực hiện việc phụ cấp nuôi con với anh M.

Đối với việc lấy ý kiến của cháu N do chị không ở chung với con nên không thể dắt cháu đến để làm việc và chị cũng đề nghị Tòa án không lấy ý kiến của cháu vì chị tự nguyện giao con cho anh M nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Do chị ở xa và bận công việc nên đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Tại bản tự khai ngày 08/12/2023 và đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Thành Nhân Chi M trình bày:*

Anh và chị Y chung sống năm 2012 và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L. Năm 2012 chung sống với nhau ở Bình Thuận, năm 2014 dọn về ấp E A sống đến năm 2016, sau đó, chị Y chuyển đến nơi khác sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng không sống chung với nhau do vợ đi làm xa, cho đến cuối năm 2022 chị Y không liên lạc nữa, chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại, từ tháng 12/2022 chị Y cũng không về thăm con cho đến nay. Nay chị Y xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ dù thời gian qua không còn chung sống với nhau. Theo anh vợ chồng không có gì mâu thuẫn chỉ vì ở xa nhau. Từ tháng 5/2023 anh bị gãy tay phải ở nhà 06 tháng liên tục đến nay mới đi làm lại. Chị Y cũng không ghé thăm anh và con, con gái chung thì có ông bà nội chăm sóc.

+ Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 23/4/2013. Hiện anh đang nuôi con, nếu ly hôn anh vẫn muốn nuôi con và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Chị Y có nguyện vọng phụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng thì anh không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã giải thích quy định pháp luật về việc lấy ý kiến của con chưa thành niên nhưng anh không đồng ý đưa con đến Tòa án để có ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của anh để không ảnh hưởng đến con vì thời gian dài vừa qua cháu ở với anh, chị Y cũng không giành nuôi con khi ly hôn.

Do công việc anh đi làm xa khó khăn trong việc sắp xếp thời gian nên đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện; Căn cước công dân chị Y; Giấy cam kết ngày 19/10/2023, đơn trình bày ngày 20/10/2023; Trích lục kết hôn; Đơn yêu cầu không hòa giải ngày 19/10/2023; Bản tự khai ngày 15/11/2023, ngày 25/12/2023, ngày 19/01/2024 của chị Y; Giấy chứng nhận kết hôn số 190/2014 quyền số 01/2014 ngày 24/11/2014 có phần ghi chú việc điều chỉnh các nội dung trong giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2023; Trích lục cải chính hộ tịch số 201/TLCCHT ngày 25/12/2023; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 25/12/2023 của chị Y; Bản tự khai ngày 08/12/2023 và đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 08/12/2023 của anh M; Giấy CMND tên Trần Thành N1 Chi Mỹ; Một trích lục khai sinh số 153/TLKS-BS ngày 08/5/2019 tên Lâm Thị Mĩ Y; Một giấy khai sinh (bản sao) tên Trần Hồng N số 04/2015 quyền số 01/2015 ngày 10/3/2015; Một giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 24/11/2014; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, Công an xã A; Biên bản ghi nhận sự việc.

Các tình tiết các bên thống nhất: Về con chung: Anh M yêu cầu nuôi con chung, chị Y đồng ý giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có.

Tình tiết các bên không thống nhất: Chị Y xin ly hôn, anh M không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Y, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Y, anh M.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị Y trình bày trong thời gian chung sống anh M vô tâm, không có tiếng nói chung, chung sống cùng nhà với nhau nhưng việc ai nấy làm, chị có nói chuyện cùng anh nhưng không giải quyết được; theo anh M trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì đã sống ly thân từ năm 2019. Như vậy xét chị Y và anh M sống ly thân một thời gian

dài nhưng cả hai đều không có hướng bàn bạc đoàn tụ cùng xây dựng gia đình nuôi dạy con cái mục đích hôn nhân của chị Y và anh M không đạt được, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Y ly hôn anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 23/4/2013, hiện anh M đang nuôi con, chị Y yêu cầu giao con cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi con; Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn chị Lâm Thị Mỹ Y và bị đơn anh Trần Thành Nhân Chi M, chị Y, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Y, anh M.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y, anh M tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận số 190/2014 vào ngày 24/11/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống theo chị Y trình bày thời gian sống chung anh M không có sự quan tâm, chia sẻ, tuy sống cùng nhà nhưng việc ai nấy làm, chị đã nói chuyện với anh nhưng anh vẫn vô tâm, đã sống ly thân không bàn bạc đoàn tụ. Theo anh M vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn mà chỉ do sống xa nhau từ năm 2019 nên anh không đồng ý ly hôn. Anh M xác định cho đến cuối năm 2022 chị Y không liên lạc nữa, chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại, từ tháng 12/2022 chị Y cũng không về thăm con cho đến nay. Xét thấy, nếu vợ chồng không có mâu thuẫn chỉ vì lý do sống xa nhau nên chị Y xin ly hôn thì trong thời gian sống xa nhau vợ chồng vẫn sẽ có mối quan tâm yêu thương gắn bó với nhau thể hiện bằng hình thức khác nhưng chị Y không liên lạc, không về thăm con, từ tháng 5/2023 anh M bị gãy tay phải ở nhà 06 tháng liên tục nhưng anh M trình bày chị Y cũng không ghé thăm anh và con. Chị Y cũng khẳng định trong thời gian chung sống không có sự quan tâm, chăm sóc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Như vậy, chị Y và anh M thời gian sống ly thân đã lâu, không có sự bàn bạc đoàn tụ để cùng chung sống xây dựng gia đình, chăm sóc con cái và chăm sóc lẫn nhau, tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp

dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hồng N, sinh ngày 23/4/2013. Hiện cháu N do anh M nuôi dưỡng nên anh M yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, chị Y đồng ý giao con cho anh M nuôi dưỡng và chị sẽ tự thỏa thuận với anh M về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Để đảm bảo xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Tòa án thông báo về việc mời con của chị Y, anh M cùng đến làm việc để gặp cháu N tham khảo ý kiến của cháu nhưng các đương sự không thực hiện theo thông báo. Tòa án đã liên hệ đại diện tại địa phương xã A cùng đến nơi cháu N sinh sống nhưng cũng không gặp được cháu N để tham khảo nguyện vọng. Xét trong thời gian chị Y và anh M sống ly thân, việc chăm sóc cháu N do anh M trực tiếp nuôi dưỡng và các đương sự cũng thống nhất ý kiến nếu ly hôn sẽ giao anh M nuôi dưỡng cháu N; Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Mĩ Y về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Trần Thành Nhân Chi M, xử cho chị Lâm Thị M1 Y được ly hôn anh Trần Thành Nhân Chi M.

- Về con chung: Xử giao cháu Trần Hồng N, sinh ngày 23/4/2013 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lâm Thị Mỹ Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002393 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị Lâm Thị Mỹ Y, anh Trần Thành Nhân Chi M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND huyện Long Thành (1);
 - Chi cục THADS H. Long Thành (1);
 - UBND xã An Phước
- GCNKH số 190/2014 ngày 24/11/2014 (1);
- Dương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An

